

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DS-ST
Ngày 22-11-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Bà Trần Thị An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N1. Địa chỉ: số B, đường C, phường D, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch. Địa chỉ: số G, đường N, khu phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1972. Địa chỉ: số G, đường T, khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1975. Địa chỉ: số G, đường T, khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1975. Địa chỉ: số G, đường T, khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Vào ngày 08/3/2023, ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N đến Ngân hàng TMCP N1 ký kết hợp đồng tín dụng số 0058/2023/614-TD-CV để vay 400.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn sửa chữa máy móc, lãi suất trong hạn 12.5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần và bằng lãi suất cơ sở chuẩn ngắn hạn do Ngân hàng N1 công bố trong từng thời kỳ cộng biên độ 3.8%/năm, quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất lãi chậm trả là 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Ngày 16/6/2022, ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N đến Ngân hàng TMCP N1 ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn số 0078/2022/614/CV để vay số tiền 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng. Để đảm bảo cho các khoản vay thì ông Đ và bà N đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa đất số 33, tờ bản đồ số 16, diện tích 82,6m², đất tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo hợp đồng thế chấp số 0045/2022/614-TD-BĐ ngày 04/4/2022 và có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H ngày 05/4/2022. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng ông Đ và bà N đã vi phạm các cam kết trong các hợp đồng, tạm tính đến ngày 22/11/2024, ông Đ và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền:

1. Đối với hợp đồng tín dụng số 0058/2023/614-TD-CV ngày 08/3/2023.

- Nợ gốc: 364.950.003 đồng.

- Lãi quá hạn: 48.426.597 đồng.

Tổng nợ gốc và nợ lãi: 413.376.600 đồng.

2. Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn số 0078/2022/614-CV ngày 16/6/2022.

- Nợ gốc: 12.205.316 đồng.

- Nợ lãi: 0 đồng.

Tổng nợ gốc và nợ lãi: 12.205.316 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc đối với hai khoản vay là 377.155.319 đồng và nợ lãi 48.426.597 đồng, tổng gốc và lãi là 425.581.916 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày 23/11/2024 theo các hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày: Vào ngày 08/3/2023, vợ chồng bà đến Ngân hàng TMCP N1 ký kết hợp đồng tín dụng số 0058/2023/614-TD-CV để vay 400.000.000 đồng. Ngày 16/6/2022 ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn số 0078/2022/614-CV để vay số tiền 15.000.000 đồng và có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa đất số 33, tờ bản đồ số 16, diện tích 82,6m², đất tọa lạc tại

khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo hợp đồng thế chấp số 0045/2022/614-TD-BĐ ngày 04/4/2022. Trong quá trình vay vợ chồng bà đã vi phạm các cam kết trong hợp đồng, bà thừa nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 377.155.319 đồng và nợ lãi 48.426.597 đồng, tổng gốc và lãi là 425.581.916 đồng. Bà xin đến tháng sau trả hết khoản vay thế tín dụng, còn khoản vay thế chấp tài sản thì xin được trả tiền lãi hàng tháng theo Ngân hàng thông báo, còn tiền gốc khi nào nhận được tiền bồi thường bà sẽ thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Trong vụ án này bị đơn ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N cư trú tại khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

[2] Xét hợp đồng tín dụng số 0058/2023/614-TD-CV ngày 08/3/2023 và Giấy đề nghị cấp thế tín dụng kiêm phương án vay vốn số 0078/2022/614-CV ngày 16/6/2022 giữa Ngân hàng TMCP N1, Chi nhánh K, Phòng G với ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N là hợp pháp và phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay, giải ngân cho ông Đ và bà N đủ số tiền vay theo hợp đồng là phù hợp quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự nhưng sau khi nhận được tiền thì ông Đ và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, bà N thừa nhận còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc của hai khoản vay là 377.155.319 đồng và nợ lãi quá hạn 48.426.597 đồng, tổng cộng là 425.581.916 đồng và xin trả lãi hàng tháng và khi nào nhận được tiền bồi thường sẽ thanh toán hết nợ cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N. Từ những căn cứ nêu trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N1.

[3] Xét hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp số 0045/2022/614-TD-BĐ ngày 04/4/2022 giữa Ngân hàng TMCP N1, Chi nhánh K, Phòng G với ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H ngày 05/4/2022 là phù hợp quy định Điều 298 Bộ luật dân sự. Trường hợp bị đơn không trả được các khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp.

[4] Về án phí: Buộc ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 298, Điều 317, Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 425.581.916 đồng (trong đó nợ gốc 377.155.319 đồng và lãi quá hạn 48.426.597 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Đ và bà N vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về phát mãi tài sản: Ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N không thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng TMCP N1 có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp theo đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp số 0045/2022/614-TD-BĐ ngày 04/4/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 33, tờ bản đồ số 16, diện tích 82,6m², đất tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 878489 ngày 15/01/2013.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Lê Xuân Đ và bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.023.277 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.571.000 đồng theo biên lai thu số 0002093 ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mạc Văn Hên